

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC KHOA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 39
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược khoa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược khoa được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Dược Khoa - Trường Đại học Dược Hà Nội và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101326329 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 08 năm 2016 và thay đổi lần thứ mười một ngày 23 tháng 07 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Trường Giang	Chủ tịch
Ông: Hà Đăng Thành	Thành viên
Ông: Phạm Đình Quyết	Thành viên
Bà: Trương Thanh Nhân	Thành viên
Ông: Mai Thành Trung	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Trường Giang	Tổng Giám đốc
Ông: Hoàng Sỹ Đường	Giám đốc Chất lượng
Ông: Phạm Đình Quyết	Giám đốc Sản xuất
Ông: Hà Đăng Thành	Giám đốc kinh doanh

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Lương Hoài Phương	Trưởng ban
Ông: Phạm Văn Giang	Thành viên
Ông: Lưu Quang Sáng	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Trường Giang - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Báo cáo tài chính.



Nguyễn Trường Giang

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược khoa**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược khoa được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã không được chứng kiến việc kiểm kê thực tế hàng tồn kho tại thời điểm 01/01/2024. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với số lượng hàng tồn kho tại ngày 01/01/2024. Với những tài liệu Công ty đã cung cấp, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” đến các dữ liệu tương ứng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược khoa tại 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2025

Dương Hồng Ngọc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 5748-2023-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		59.215.689.677	62.015.570.506
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	2.113.294.215	2.580.252.927
111	1. Tiền		2.113.294.215	2.580.252.927
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		22.886.209.756	25.172.226.831
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	15.364.775.189	15.315.731.186
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	7.161.636.879	9.751.780.027
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	378.161.877	131.440.807
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(18.364.189)	(26.725.189)
140	III. Hàng tồn kho	08	31.999.220.121	33.965.682.633
141	1. Hàng tồn kho		31.999.220.121	33.965.682.633
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.216.965.585	297.408.115
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	258.151.701	253.849.470
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.814.454.257	42.013.801
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	144.359.627	1.544.844
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		129.795.442.333	84.888.530.261
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.650.000	5.650.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	06	5.650.000	5.650.000
220	II. Tài sản cố định		62.061.190.723	70.955.653.112
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	62.061.190.723	70.901.889.670
222	- Nguyên giá		118.776.577.615	119.929.051.942
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(56.715.386.892)	(49.027.162.272)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	53.763.442
228	- Nguyên giá		300.412.699	300.412.699
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(300.412.699)	(246.649.257)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	09	56.769.112.415	1.576.564.815
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		56.769.112.415	1.576.564.815
260	IV. Tài sản dài hạn khác		10.959.489.195	12.350.662.334
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	10.959.489.195	12.350.662.334
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		189.011.132.010	146.904.100.767

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		107.159.464.588	94.682.554.451
310	I. Nợ ngắn hạn		71.412.406.581	65.792.401.769
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	18.403.379.008	18.933.365.076
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	2.027.895.553	2.276.897.736
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.077.747.902	2.756.689.166
314	4. Phải trả người lao động		4.155.071.735	3.847.634.353
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	775.200.164	652.743.493
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	54.029.427	498.445.735
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	43.594.198.090	36.791.526.210
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.324.884.702	35.100.000
330	II. Nợ dài hạn		35.747.058.007	28.890.152.682
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	35.747.058.007	28.890.152.682
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		81.851.667.422	52.221.546.316
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	81.851.667.422	52.221.546.316
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		67.044.340.000	37.246.900.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		9.941.177.000	456.460.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.866.150.422	14.518.186.316
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.884.411.614	6.452.237.311
421b	LNST chưa phân phối năm nay		2.981.738.808	8.065.949.005
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		189.011.132.010	146.904.100.767

Người lập biểu

Lương Hoài Phương

Kế toán trưởng

Trương Thanh Nhân

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	150.019.870.235	152.100.242.280
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		7.184.500	247.667.121
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		150.012.685.735	151.852.575.159
11	4. Giá vốn hàng bán	22	117.671.881.732	115.454.956.697
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		32.340.804.003	36.397.618.462
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	3.780.582	14.580.705
22	7. Chi phí tài chính	24	4.263.818.923	5.639.650.636
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.249.930.567	5.639.650.636
25	8. Chi phí bán hàng	25	3.709.186.928	2.693.673.487
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20.029.388.141	17.646.921.861
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.342.190.593	10.431.953.183
31	11. Thu nhập khác	27	123.549.497	93.086.021
32	12. Chi phí khác	28	221.306.460	225.884.359
40	13. Lợi nhuận khác		(97.756.963)	(132.798.338)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.244.433.630	10.299.154.845
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	1.009.874.134	2.233.205.840
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.234.559.496	8.065.949.005
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	361	2.166

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Lương Hoài Phương

Kế toán trưởng

Trương Thanh Nhân

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.244.433.630	10.299.154.845
	2. Điều chỉnh cho các khoản		14.943.640.900	16.454.399.859
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		10.711.924.800	10.878.693.564
03	- Các khoản dự phòng		(8.361.000)	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		13.888.356	(3.332.218)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(23.741.823)	(60.612.123)
06	- Chi phí lãi vay		4.249.930.567	5.639.650.636
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.188.074.530	26.753.554.704
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		379.122.836	(15.243.817.178)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.966.462.512	5.900.125.648
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.188.935.521)	3.352.693.633
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.140.521.888	(2.237.551.631)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.160.466.291)	(5.650.317.378)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.637.849.327)	(1.151.845.507)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(170.000.000)	(142.549.521)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		14.516.930.627	11.580.292.770
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(56.850.849.750)	(2.224.109.701)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		107.150.000	45.454.545
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.780.582	11.248.487
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(56.739.919.168)	(2.167.406.669)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		28.108.167.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		160.978.796.574	89.179.677.747
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(147.319.219.369)	(94.198.215.537)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(750.000)	(5.584.815.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		41.766.994.205	(10.603.352.790)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(455.994.336)	(1.190.466.689)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.580.252.927	3.770.719.616
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(10.964.376)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	2.113.294.215	2.580.252.927

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Lương Hoài Phương

Kế toán trưởng

Trương Thanh Nhân

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược khoa được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Dược Khoa - Trường Đại học Dược Hà Nội và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101326329 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 08 năm 2016 và thay đổi lần thứ mười một ngày 23 tháng 07 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là: 67.044.340.000 đồng; tương đương 6.704.434 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 161 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 157 người).

Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất và kinh doanh thương mại trong lĩnh vực dược khoa.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Sản xuất thuốc, hóa dược liệu và dược liệu;
- Sản xuất thực phẩm khác; Sản phẩm đặc biệt như đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hooc môn (trừ các loại Nhà nước cấm); Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo;
- Nhà thuốc: Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp; Doanh nghiệp bán thuốc; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

2.6. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo quý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 10 năm |

2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.16. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.18. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn.

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.20. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2.23. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25. Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực hóa dược và diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	560.175.802	203.219.330
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.553.118.413	2.377.033.597
	2.113.294.215	2.580.252.927

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	12.805.168.221	-	13.440.642.472	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dược Khoa	2.003.970.547	-	5.848.860.977	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược Khoa	1.642.895.260	-	2.289.395.100	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dược Khoa Sài Gòn	1.989.977.139	-	1.579.445.436	-
- Công ty TNHH Dược Khoa xanh	4.038.809.275	-	3.722.940.959	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Dược Khoa	3.129.516.000	-	-	-
Bên khác	2.559.606.968	(18.364.189)	1.875.088.714	(26.725.189)
- Công ty TNHH IMMUPHARM	263.833.200	-	42.621.526	-
- Công ty TNHH Dược phẩm Innocare	252.738.780	-	-	-
- Công ty TNHH Dược phẩm Lạc Việt	730.002.669	-	888.665.156	-
- Công ty cổ phần Dược phẩm MID	600.115.868	-	-	-
- Các khách hàng khác	712.916.451	(18.364.189)	943.802.032	(26.725.189)
	15.364.775.189	(18.364.189)	15.315.731.186	(26.725.189)

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	7.161.636.879	-	9.751.780.027	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị MPM	-	-	2.034.560.000	-
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Cường Thịnh	-	-	6.202.732.800	-
- Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Phòng Sạch Thành Tâm	3.423.384.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương Mại Và Kỹ Thuật Điện Đăng Quang	890.304.520	-	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch Vụ Công Nghệ Nam Việt	688.400.410	-	-	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	2.159.547.949	-	1.514.487.227	-
	7.161.636.879	-	9.751.780.027	-

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về BHXH	3.868.505	-	393.930	-
- Phải thu người lao động	352.000.000	-	108.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	14.200.000	-
- Phải thu khác	22.293.372	-	8.846.877	-
	378.161.877	-	131.440.807	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	5.650.000	-	5.650.000	-
	5.650.000	-	5.650.000	-

7. NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Phải thu khách hàng	18.364.189	-	26.725.189	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Y dược Đức An	-	-	8.361.000	-
Công ty TNHH Việt Úc Hà Nội	18.364.189	-	18.364.189	-
	18.364.189	-	26.725.189	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng mua đang đi đường	567.190.551	-	179.021.641	-
- Nguyên liệu, vật liệu	17.403.767.486	-	17.381.381.645	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.543.290.383	-	4.367.184.526	-
- Thành phẩm	11.484.971.701	-	12.038.094.821	-
	31.999.220.121	-	33.965.682.633	-

Tại ngày 31/12/2024, giá trị hàng tồn kho hình thành từ khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đồng Đa được cầm cố để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng tương ứng (Chi tiết tại Thuyết minh số 13).

9. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Mua sắm	1.556.190.000	170.000.000
+ Máy chiết và hàn tuýp siêu âm MC-T150	-	170.000.000
+ Phần mềm quản trị hiệu suất doanh nghiệp SAP B1	1.556.190.000	-
- Xây dựng cơ bản	55.212.922.415	1.406.564.815
+ Thi công xây dựng công trình thuộc Dự án "Nhà máy sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng (Nhà xưởng và văn phòng xây mới)	55.212.922.415	1.406.564.815
	56.769.112.415	1.576.564.815

Tên Dự án:

- Địa điểm xây dựng: Khu công nghiệp Quế Võ II, Quế Võ, Bắc Ninh;
- Mục đích xây dựng: Mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao công suất và nâng cao chất lượng sản phẩm; Phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo xu thế phát triển của thị trường, tăng khả năng đáp ứng nhu cầu của thị trường và đáp ứng các quy định của nhà nước;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ Phần Dược Khoa;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ sở hữu và vốn vay ngân hàng;
- Quy mô của dự án: 02 công trình chính và các công trình phụ trợ gồm Nhà văn phòng 2 + nhà xưởng 2, nhà phụ trợ (04, 05, 06), mái nổi xưởng (mái nổi giữa 02 nhà xưởng), hệ thống sân đường nội bộ; hệ thống chiếu sáng, cây xanh, cụ thể:
 - + Xây dựng bổ sung thêm 1.300m² nhà kho đạt tiêu chuẩn GSP;
 - + Xây dựng bổ sung thêm 1.000m² nhà xưởng đạt tiêu chuẩn GMP hoặc tương đương;
 - + Xây dựng bổ sung thêm 1.000m² nhà văn phòng;
 - + Xây dựng bổ sung thêm 300m² nhà phụ trợ;
 - + Các hạng mục cảnh quan liên quan.
- Tổng mức đầu tư: 81.789.018.755 đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai công trình và dự kiến hoàn thành: Bắt đầu triển khai tháng 11/2023 và ngày hoàn thành theo hợp đồng là 05/02/2025.
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2024:
 - + Về xây dựng: Công trình đã thi công xong hạng mục xây dựng chính bao gồm: nhà văn phòng 2, nhà xưởng 2 và các công trình phụ trợ (04,05,06) và hạ tầng kỹ thuật và đang trong quá trình hoàn thiện công tác kiểm định phòng cháy chữa cháy.
 - + Về trang thiết bị sản xuất: dự án đang trong quá trình thi công lắp đặt hệ thống thiết bị, máy móc dở dang.
- Toàn bộ tài sản phát sinh từ Dự án đầu tư mở rộng nhà máy dược phẩm Dkpharma được dùng làm tài sản bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà (Chi tiết tại thuyết minh số 13).

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	47.941.782.059	56.988.322.116	14.998.947.767	119.929.051.942
- Mua trong năm	-	463.885.455	618.243.636	1.082.129.091
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	576.173.059	-	-	576.173.059
- Thanh lý, nhượng bán, tháo dỡ	(81.369.840)	(2.729.406.637)	-	(2.810.776.477)
Số dư cuối năm	48.436.585.278	54.722.800.934	15.617.191.403	118.776.577.615
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	12.324.424.405	30.689.584.591	6.013.153.276	49.027.162.272
- Khấu hao trong năm	2.222.270.831	6.498.613.192	1.690.928.315	10.411.812.338
- Thanh lý, nhượng bán, tháo dỡ	(78.463.809)	(2.645.123.909)	-	(2.723.587.718)
Số dư cuối năm	14.468.231.427	34.543.073.874	7.704.081.591	56.715.386.892
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	35.617.357.654	26.298.737.525	8.985.794.491	70.901.889.670
Tại ngày cuối năm	33.968.353.851	20.179.727.060	7.913.109.812	62.061.190.723

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.666.292.182 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.596.923.987 VND

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Tài sản hữu hình khác	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	300.412.699	300.412.699
Số dư cuối năm	300.412.699	300.412.699
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	246.649.257	246.649.257
- Khấu hao trong năm	53.763.442	53.763.442
Số dư cuối năm	300.412.699	300.412.699
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	53.763.442	53.763.442
Tại ngày cuối năm	-	-

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 300.412.699 VND

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	157.067.010	51.402.822
- Các khoản khác	101.084.691	202.446.648
	258.151.701	253.849.470
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.756.097.100	1.633.851.066
- Tiền thuê đất tại KCN Quế Võ 2, Bắc Ninh đến ngày 30/07/2057 (*)	8.026.872.406	8.273.221.426
- Chi phí nghiên cứu cây giống	944.444.436	1.611.111.108
- Các khoản khác	232.075.253	832.478.734
	10.959.489.195	12.350.662.334

(*) Chi phí thuê 9.840 m2 đất tại Lô đất III-1.3, đường D3, Khu Công nghiệp Quế Võ 2, xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Quế Võ IDICO. Thời hạn thuê từ ngày bàn giao lô đất ngày 25/06/2015 đến ngày 30/07/2057.

Báo cáo tài chính

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

13. VAY

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	34.109.204.218	34.109.204.218	101.422.335.257	100.513.297.377	35.018.242.098	35.018.242.098
Bên khác						
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	7.375.176.799	7.375.176.799	14.393.652.416	17.431.615.894	4.337.213.321	4.337.213.321
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà	24.892.617.738	24.892.617.738	72.791.978.682	73.003.567.643	24.681.028.777	24.681.028.777
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đồng Đa	1.841.409.681	1.841.409.681	14.236.704.159	10.078.113.840	6.000.000.000	6.000.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	2.682.321.992	2.682.321.992	8.575.955.992	2.682.321.992	8.575.955.992	8.575.955.992
Bên khác						
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	646.400.000	646.400.000	646.400.000	646.400.000	646.400.000	646.400.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà	1.280.000.000	1.280.000.000	7.280.000.000	1.280.000.000	7.280.000.000	7.280.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Cầu Giấy	555.922.000	555.922.000	449.556.000	555.922.000	449.556.000	449.556.000
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long	199.999.992	199.999.992	199.999.992	199.999.992	199.999.992	199.999.992
	36.791.526.210	36.791.526.210	109.998.291.249	103.195.619.369	43.594.198.090	43.594.198.090

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	31.572.474.674	31.572.474.674	63.482.861.317	50.732.321.992	44.323.013.999	44.323.013.999
Bên liên quan						
+ Vay cá nhân	24.050.000.000	24.050.000.000	26.000.000.000	46.050.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Bên khác						
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Hà Thành	2.585.600.000	2.585.600.000	-	646.400.000	1.939.200.000	1.939.200.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà	2.560.000.000	2.560.000.000	37.482.861.317	3.280.000.000	36.762.861.317	36.762.861.317
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Cầu Giấy	1.560.208.000	1.560.208.000	-	555.922.000	1.004.286.000	1.004.286.000
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Thăng Long	816.666.674	816.666.674	-	199.999.992	616.666.682	616.666.682
	31.572.474.674	31.572.474.674	63.482.861.317	50.732.321.992	44.323.013.999	44.323.013.999
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.682.321.992)	(2.682.321.992)	(8.575.955.992)	(2.682.321.992)	(8.575.955.992)	(8.575.955.992)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	28.890.152.682	28.890.152.682			35.747.058.007	35.747.058.007

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

Loại Lãi suất tiền		Hạn mức tín dụng	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2024	01/01/2024
						VND	VND
Bên khác							
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành							
- Hợp đồng cấp tín dụng số 23/413056-CTD/108	VND	Theo từng giấy nhận nợ	20.000.000.000	tối đa 06 tháng	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	(i) 4.337.213.321	7.375.176.799
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà							
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/8264708/HĐTD ngày 08/04/2024	VND	Theo từng giấy nhận nợ	25.000.000.000	tối đa 05 tháng	Cho vay, bảo lãnh, mở L/C	(ii) 24.681.028.777	24.892.617.738
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đồng Đa							
- Hợp đồng số 247075.24.077.1086607.TD ngày 01/10/2024	VND	Theo từng giấy nhận nợ	20.000.000.000	tối đa 06 tháng	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được phẩm	(iii) 6.000.000.000	1.841.409.681
						35.018.242.098	34.109.204.218
						35.018.242.098	34.109.204.218

(i) Phương thức đảm bảo:

- Tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thửa đất số 28-2 Tờ bản đồ số 17 tại tổ 10, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 966535, số vào sổ cấp GCN: 1468 do UBND Quận Long Biên - Thành phố Hà Nội cấp ngày 06 tháng 05 năm 2013 của bà Vũ An Phượng và ông Nguyễn Đức Quyết (thành viên góp vốn).
- Tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thửa đất số 28-1 Tờ bản đồ số 17 tại tổ 10, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 381810, số GCN: 2398/2005/QĐ-UBND/473/2005; MS: 10127090599 do UBND Quận Long Biên - Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 12 năm 2005 của bà Vũ An Phượng và ông Nguyễn Đức Quyết (thành viên góp vốn).
- Căn hộ chung cư số A-1202, toà NC2A, Chung cư cao tầng NC2, Khu đô thị mới Cầu Bươu, xã Tân Triều theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 216463, số vào sổ cấp GCN: CS 34895 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 12 năm 2015 của bà Vũ Thị Thủy và ông Mai Thành Trung (thành viên góp vốn).
- Toàn bộ hàng hóa luân chuyển mà pháp luật không cấm giao dịch thuộc sở hữu của Khách hàng, hình thành một phần hoặc toàn bộ từ nguồn tài trợ của Vietcombank bao gồm nhưng không giới hạn hàng hóa mua về để bán (hàng hóa tồn kho, hàng mua đang đi trên đường, hàng gửi đi bán, hàng hóa gửi đi gia công chế biến,...), thành phẩm tồn kho và thành phẩm gửi đi bán, sản phẩm dở dang (sản phẩm chưa hoàn thành và sản phẩm hoàn thành chưa làm thủ tục nhập kho thành phẩm), nguyên liệu vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho, gửi đi gia công chế biến và đã mua đang đi trên đường, chi phí dịch vụ dở dang, và bất kỳ hàng hóa nào khác được hoặc có thể được sử dụng hoặc tiêu thụ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh) như hộp, bao bì, nắp nhựa, tem... và được Khách hàng để tại Kho Lô III, đường D3, Khu Công nghiệp Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh và các Kho do Khách hàng quản lý hoặc do khách hàng thuê kho của bên thứ ba nhằm cất giữ hàng hóa.
- Tài sản là quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 36-7, tại Thôn Lại Đà, Xã Đông Hội, Huyện Đông Anh, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác | gắn liền với đất số CC 270268, số vào sổ cấp GCN: CS-ĐA 01724 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 10 năm 2015 của ông Phạm Thế Mỹ và bà Trương Thanh Nhân (thành viên góp vốn).

(ii) Phương thức đảm bảo:

- Quyền tài sản phát sinh từ Dự án đầu tư mở rộng nhà máy dược phẩm DKpharma (Giai đoạn 2) tại KCN Quế Võ II, Bắc Ninh đối với Công ty Cổ phần Dược Khoa do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

(iii) Phương thức đảm bảo:

- Toàn bộ hàng hóa đã, đang và sẽ hình thành trong quá trình sản xuất, kinh doanh của Bên thế chấp hình thành từ phương án được Ngân hàng TMCP Quân đội cấp tín dụng trong kho hàng tại (các) địa điểm sau: Lô III-1.3, Đường D3, Khu công nghiệp Quế Võ II, Xã Quế Xá, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh bao gồm các loại thuốc hóa được, được liệu thuộc sở hữu của Bên thế chấp và nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm, bán thành phẩm được hình thành trong quá trình sản xuất, gia công, chế biến, kinh doanh từ hàng hóa thế chấp nêu trên.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:
Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại Lãi suất		Hạn mức tín dụng	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2024		01/01/2024
	tiền	năm					VND	VND	
Bên liên quan									
Khoản vay cá nhân	VND	6,0%		36 tháng	Bổ sung vốn KD	Tín chấp	4.000.000.000	4.000.000.000	24.050.000.000
							4.000.000.000	4.000.000.000	24.050.000.000
Bên khác									
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành									
- Hợp đồng số 22/413056-TD/H/0140 ngày 29/12/2022	VND	Lãi suất thả nổi	3.232.000.000	60 tháng	Mua sắm tài sản	(i)	1.939.200.000	1.939.200.000	2.585.600.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà									
- Hợp đồng số 01/2020/8264708/HĐTD ngày 18/11/2020	VND	Lãi suất thả nổi	6.400.000.000	60 tháng	Cho vay, bảo lãnh, mở L/C thực hiện đầu tư TSCĐ gián tiếp năm 2020	(ii)	1.280.000.000	1.280.000.000	2.560.000.000
- Hợp đồng 02/2024/8264708/HĐTD ngày 25/06/2024	VND	Lãi suất thả nổi	53.163.000.000	84 tháng	Đầu tư Dự án Đầu tư mở rộng nhà máy được phẩm DKpharma (Giai đoạn 2)	(iii)	35.482.861.317		-

Loại tiền		Lãi suất năm	Hạn mức tín dụng	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2024	01/01/2024
							VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Cầu Giấy								
- Giấy nhận nợ số LD1933200120 ngày 29/11/2019	VND	Lãi suất thả nổi	580.000.000	60 tháng	Mua sắm tài sản	(iv)	-	106.366.000
	VND	Lãi suất thả nổi	550.000.000	60 tháng	Mua sắm tài sản	(v)	156.120.000	266.040.000
	VND	Lãi suất thả nổi	600.000.000	60 tháng	Mua sắm tài sản	(vi)	180.000.000	300.000.000
- Hợp đồng cấp tín dụng số 202126151327 ngày 16/06/2021	VND	Lãi suất thả nổi	430.000.000	60 tháng	Mua sắm tài sản	(vii)	200.560.000	286.600.000
	VND	Lãi suất thả nổi	668.000.000	60 tháng	Mua sắm tài sản	(viii)	467.606.000	601.202.000
	VND	Lãi suất thả nổi	1.000.000.000	60 tháng	Mua sắm tài sản	(ix)	616.666.682	816.666.674
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Thăng Long								
- Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số 130123-9940787-AUTO-1/HĐ ngày 13/01/2023	VND	Lãi suất thả nổi	1.000.000.000	60 tháng	Mua sắm tài sản	(ix)	616.666.682	816.666.674
							44.323.013.999	31.572.474.674
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng							(8.575.955.992)	(2.682.321.992)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng							35.747.058.007	28.890.152.682

- (i) Phương thức đảm bảo:
- Thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz GLS 450 4MATIC (V1) BKS 30K-103.98 do Mỹ sản xuất theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 22/413056/0140-PTVT ngày 29/12/2022 giữa Công ty Cổ phần Dược Khoa.
- (ii) Phương thức đảm bảo:
- Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của phương án đầu tư tài sản cố định gián tiếp năm 2020 của Công ty Cổ phần Dược Khoa; đồng thời tiếp tục sử dụng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay từ Dự án Nhà máy sản xuất Dược phẩm, thực phẩm chức năng và mỹ phẩm tại KCN Quế Võ II, Ngọc Xá, Quế Võ, Bắc Ninh.
- (iii) Phương thức đảm bảo:
- Tài sản hình thành trong tương lai từ vốn tự có và vốn vay được lấp đặt, đặt tại dự án: “Đầu tư mở rộng nhà máy dược phẩm DKpharma (Giai đoạn 2) tại KCN Quế Võ II, Bắc Ninh đối với Công ty Cổ phần Dược Khoa” theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2535318612 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 02/06/2015, Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 3 ngày 22/09/2023.
- (iv) Phương thức đảm bảo:
- Thế chấp 01 xe ô tô TOYOTA COROLLA mang BKS: 30G-046.53, số khung: RL4BU3HEXK7524816, số máy: 2ZRX684448.
- (v) Phương thức đảm bảo:
- Thế chấp 01 xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Elantra, màu đỏ, sản xuất năm 2021, mới 100%, lắp ráp Việt Nam, biển kiểm soát 30H-025.23 số khung RLUF41FBMN024640, số máy GANAMW600300, theo giấy hẹn đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 14/05/2021 cho Công ty Cổ phần Dược Khoa.
- (vi) Phương thức đảm bảo:
- Thế chấp 01 xe ô tô con nhãn hiệu Mitsubishi Outlander, màu nâu, sản xuất năm 2021, mới 100%, lắp ráp Việt Nam, biển kiểm soát 30H-090.84 số khung RL4ITGF2MM1000565, số máy A005494B11, theo giấy hẹn đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 15/06/2021 cho Công ty Cổ phần Dược Khoa.
- (vii) Phương thức đảm bảo:
- Thế chấp 01 xe ô tô con nhãn hiệu Honda City RS, màu trắng, sản xuất năm 2022, biển kiểm soát 30H-652.35 số khung RLHGN2689NY102771, số máy L15ZC2003033, theo giấy hẹn đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 18/04/2022 cho Công ty Cổ phần Dược Khoa.
- (viii) Phương thức đảm bảo:
- Thế chấp xe ô tô Mitsubishi Outlander 2.0 CVT Premium, màu đen, mới 100%, lắp ráp trong nước, sản xuất năm 2023, số khung, RLA2TGF2XP1000272, số máy: C618124B11, mang biển kiểm soát 30K-351.60. Trị giá TSĐB: 836.000.000 VND.
- (ix) Phương thức đảm bảo:
- Thế chấp xe ô tô mang nhãn hiệu Ford Everest, BKS: 30K-188.27, số khung: MNCRXXXMAWRNG77134, số máy P0WSRNG77134. Giấy hẹn đăng ký xe do phòng CSGT Công An TP Hà Nội cấp ngày 12/01/2023.

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	18.403.379.008	18.403.379.008	18.933.365.076	18.933.365.076
- Công ty TNHH Sản xuất Bao bì và Thương mại Đức Thành	2.634.604.303	2.634.604.303	2.912.739.338	2.912.739.338
- Hợp tác xã Dược liệu Lương Sơn	555.916.437	555.916.437	2.395.418.237	2.395.418.237
- Công ty TNHH Nhựa VINSON	1.786.372.920	1.786.372.920	2.090.150.821	2.090.150.821
- Công ty TNHH APS	342.576.000	342.576.000	1.361.091.870	1.361.091.870
- Công ty TNHH Hoàng Phát	642.600.000	642.600.000	899.640.000	899.640.000
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Cường Thịnh	4.072.396.100	4.072.396.100	-	-
- Đối tượng khác	8.368.913.248	8.368.913.248	9.274.324.810	9.274.324.810
	18.403.379.008	18.403.379.008	18.933.365.076	18.933.365.076

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công ty TNHH Dược phẩm Đại Đức Tín	476.110.360	5.940.000
- Công ty TNHH Dược phẩm E&S Việt Nam	326.326.536	240.753.600
- Công ty TNHH Mega Lifesciences Việt Nam	423.414.325	849.705.787
- Các khách hàng khác	802.044.332	1.180.498.349
	2.027.895.553	2.276.897.736

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	1.544.844	1.090.857.562	549.162.414	1.782.834.759	144.359.627	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.526.752.874	1.114.517.621	1.637.849.327	-	1.003.421.168
- Thuế thu nhập cá nhân	-	139.078.730	765.424.896	830.410.373	-	74.093.253
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	117.247.670	117.247.670	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	112.478.561	112.245.080	-	233.481
	1.544.844	2.756.689.166	2.658.831.162	4.480.587.209	144.359.627	1.077.747.902

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	139.158.988	49.694.712
- Chi phí nguyên vật liệu	117.185.536	145.074.950
- Trích trước chi phí gia công	508.261.225	443.399.711
- Chi phí phải trả khác	10.594.415	14.574.120
	775.200.164	652.743.493

18. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	566	566
- Kinh phí công đoàn	33.821.680	32.193.870
- Bảo hiểm y tế	1.266.688	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	437.896	83.576
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.470.000	2.220.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.032.597	463.947.723
+ Phải trả lợi nhuận Trường Đại học Dược Hà Nội	-	284.026.929
+ Phải trả chi phí dự án OCOP	-	168.288.000
+ Phải trả khác	17.032.597	11.632.794
	54.029.427	498.445.735

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	37.471.900.000	463.210.000	(231.750.000)	12.039.272.311	49.742.632.311
Lãi trong năm trước	-	-	-	8.065.949.005	8.065.949.005
Chia cổ tức	-	-	-	(5.587.035.000)	(5.587.035.000)
Giảm vốn trong năm trước	(225.000.000)	(6.750.000)	231.750.000	-	-
Số dư cuối năm trước	37.246.900.000	456.460.000	-	14.518.186.316	52.221.546.316

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	37.246.900.000	456.460.000	-	14.518.186.316	52.221.546.316
Tăng vốn trong năm nay (*)	18.623.450.000	9.484.717.000	-	-	28.108.167.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	3.234.559.496	3.234.559.496
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	11.173.990.000	-	-	(11.173.990.000)	-
Phân phối lợi nhuận				(1.459.784.702)	(1.459.784.702)
Giảm khác				(252.820.688)	(252.820.688)
Số dư cuối năm nay	67.044.340.000	9.941.177.000	-	4.866.150.422	81.851.667.422

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01-24/NQ-ĐHCĐ-DK ngày 25 tháng 04 năm 2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 và phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu như sau:

- + Trích Quỹ khen thưởng Hội đồng quản trị: 1.459.784.702 đồng;
- + Chia cổ tức bằng cổ phần với tỷ lệ là 30% vốn chủ sở hữu, tương đương 11.173.990.000 đồng;
- + Phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 1.862.345 cổ phần, tương đương 28.108.167.000 đồng. Kết quả phát hành trong năm 2024 như sau:
Đợt 1 hoàn thành phát hành 1.775.849 cổ phiếu với giá bán 15.000 đồng, tương đương 26.637.735.000 đồng;
Đợt 2 hoàn thành phát hành 86.496 cổ phần với giá bán 17.000 đồng, tương đương 1.470.432.000 đồng.
Tổng số cổ phần công ty đã hoàn thành thực hiện chào bán là 1.862.345 cổ phần, giá trị 28.108.167.000 đồng.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Thương mại Dược khoa	30.457.200.000	45,43	16.920.670.000	45,43
Bạch Đức Huyền	6.451.480.000	9,62	3.584.160.000	9,62
Nguyễn Trường Giang	5.432.330.000	8,10	4.178.720.000	11,22
Nguyễn Ngọc Thanh	5.090.570.000	7,60	1.667.340.000	4,48
Cổ đông khác	19.612.760.000	29,25	10.896.010.000	29,25
	67.044.340.000	100%	37.246.900.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	37.246.900.000	37.471.900.000
- Vốn góp tăng trong năm	18.623.450.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	225.000.000
- Vốn góp cuối năm	55.870.350.000	37.246.900.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	2.220.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	11.173.990.000	5.587.035.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	11.173.990.000	5.587.035.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	750.000	5.584.815.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	750.000	5.584.815.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	11.173.990.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	11.173.990.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.470.000	2.220.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.862.345	3.724.690
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.587.035	3.724.690
- Cổ phiếu phổ thông	5.587.035	3.724.690
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.587.035	3.724.690
- Cổ phiếu phổ thông	5.587.035	3.724.690
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty ký Hợp đồng thuê đất số 282/HHD-TĐ-STVMT-PC với Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội ngày 18 tháng 05 năm 2016 tại Số 9 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội để sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm trụ sở làm việc từ 18 tháng 05 năm 2016 đến 31 tháng 08 năm 2065. Diện tích khu đất thuê là 166,7 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty ký Hợp đồng thuê đất số 17/2015/BĐS/HĐKT với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Quế Võ IDICO ngày 25 tháng 06 năm 2015 để sử dụng xây dựng nhà máy, kho xưởng văn phòng nhằm mục đích sản xuất kinh doanh thuốc, thực phẩm chức năng và mỹ phẩm. Thời hạn hợp đồng từ ngày 25 tháng 06 năm 2015 đến ngày 30 tháng 07 năm 2057. Vị trí khu đất được xác định tại lô III-1.3, Đường D3, Khu công nghiệp Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh với diện tích là 9.840 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất làm nhiều kỳ trong vòng 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng chính thức và thanh toán phí duy tu hạ tầng hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng.

b) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2024	01/01/2024
- Đô la Mỹ	USD	531,28	0,28

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng	146.394.855.689	152.090.984.280
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.625.014.546	9.258.000
	150.019.870.235	152.100.242.280
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	63.566.408.022	49.182.608.838

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	117.671.881.732	115.454.956.697
	117.671.881.732	115.454.956.697

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.780.582	11.248.487
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	3.332.218
	3.780.582	14.580.705

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	4.249.930.567	5.639.650.636
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	13.888.356	-
	4.263.818.923	5.639.650.636
Trong đó: Chi phí tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	1.043.924.651	1.902.821.918

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	349.669.675	286.930.177
Chi phí nhân công	2.121.994.542	1.504.634.349
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.714.280	4.206.345
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.011.908.431	885.402.616
Chi phí khác bằng tiền	219.900.000	12.500.000
	3.709.186.928	2.693.673.487

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	10.909.060.945	9.821.686.065
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.945.773.897	2.354.391.230
Chi phí /(Hoàn nhập) dự phòng	(8.361.000)	-
Thuế, phí và lệ phí	123.247.670	160.703.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.614.137.296	1.799.095.759
Chi phí khác bằng tiền	5.445.529.333	3.511.045.538
	20.029.388.141	17.646.921.861

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	107.150.000	49.363.636
Giảm tiền thuê đất năm 2022	-	39.632.425
Thu nhập khác	16.399.497	4.089.960
	123.549.497	93.086.021

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	87.188.759	-
Các khoản bị phạt	107.155.499	78.818.322
Chi phí do xóa nợ phải thu xác định không thu hồi được	5.308.202	37.821.482
Các khoản ủng hộ, tài trợ	15.000.000	81.480.556
Chi phí khác	6.654.000	27.763.999
	221.306.460	225.884.359

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.244.433.630	10.299.154.845
Các khoản điều chỉnh tăng	804.937.041	866.874.359
- Chi phí không hợp lệ	132.968.685	866.874.359
- Chi phí khấu hao xe ô tô không được trừ theo quy định	658.080.000	-
- Lỗi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	13.888.356	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	5.049.370.671	11.166.029.204
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.009.874.134	2.233.205.840
	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	104.643.487	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.114.517.621	2.233.205.840
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.526.752.874	445.392.541
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.637.849.327)	(1.151.845.507)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.003.421.168	1.526.752.874

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	3.234.559.496	8.065.949.005
Các khoản điều chỉnh:	1.459.784.702	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	1.459.784.702	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.774.774.794	8.065.949.005
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.918.818	3.723.971
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	361	2.166

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.329.879.311	68.201.799.419
Chi phí nhân công	29.477.560.349	29.482.202.789
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.465.575.780	10.632.344.544
Chi phí dự phòng	(8.361.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.367.523.613	19.638.565.099
Chi phí khác bằng tiền	8.401.261.485	6.248.241.981
	139.033.439.538	134.203.153.832

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thương mại Dược khoa	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược khoa	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thương mại Dược Khoa Sài Gòn	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH Dược Khoa xanh	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Phát triển Dược Khoa	Bên liên quan của cổ đông lớn
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày đầu kỳ, kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.566.408.022	49.182.608.838
Công ty Cổ phần Thương mại Dược Khoa	24.106.515.850	22.985.703.895
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dược khoa	10.362.822.314	6.464.896.357
Công ty Cổ phần Thương mại Dược Khoa Sài Gòn	12.904.388.466	7.489.165.803
Công ty TNHH Dược Khoa xanh	13.347.666.846	12.242.842.783
Công ty Cổ phần Phát triển Dược Khoa	2.845.014.546	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	7.184.500	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dược Khoa	7.184.500	-

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Mua hàng	2.800.000	10.010.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dược Khoa	2.800.000	10.010.000

Chi phí tài chính	1.043.924.651	1.902.821.918
Ông Hà Đăng Thành	457.835.614	1.172.287.671
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	500.965.751	541.561.644
Bà Phạm Thị Thu Hà	14.109.589	188.972.603
Bà Nguyễn Thị Phương Anh	71.013.697	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị		
- Nguyễn Trường Giang (Chủ tịch)	120.000.000	120.000.000
- Phạm Đình Quyết (Thành viên)	60.000.000	60.000.000
- Trương Thanh Nhân (Thành viên)	60.000.000	60.000.000
- Mai Thành Trung (Thành viên)	60.000.000	60.000.000
- Hà Đăng Thành (Thành viên)	60.000.000	60.000.000
	360.000.000	360.000.000

Thù lao thành viên Ban kiểm soát		
- Lương Hoài Phương (Trưởng ban)	60.000.000	60.000.000
- Phạm Văn Giang (Thành viên)	36.000.000	36.000.000
- Lưu Quang Sáng (Thành viên)	36.000.000	36.000.000
	132.000.000	132.000.000

Tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc và người quản lý khác		
- Nguyễn Trường Giang (Tổng Giám đốc)	1.176.072.981	1.364.655.996
- Hoàng Sỹ Đường (Giám đốc Chất lượng)	440.620.612	472.284.935
- Phạm Đình Quyết (Giám đốc Sản xuất)	457.880.269	453.454.288
- Hà Đăng Thành (Giám đốc kinh doanh)	427.408.013	430.162.075
	2.501.981.875	2.720.557.294

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

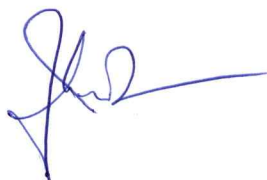
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc 31/12/2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu



Lương Hoài Phương

Kế toán trưởng



Trương Thanh Nhân

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang

Công ty Cổ phần Dược Khoa

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Kính gửi:

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc: Cát Thị Hà

Kiểm toán viên: Dương Hồng Ngọc

Số 1 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Thưa Quý vị,

THƯ GIẢI TRÌNH

Thư giải trình này được phát hành liên quan đến công việc kiểm toán của các kiểm toán viên về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược khoa cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 nhằm mục đích giúp cho Kiểm toán viên đưa ra ý kiến về việc liệu các Báo cáo tài chính này có đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan hay không.

Chúng tôi xác nhận trách nhiệm của chúng tôi về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong phạm vi hiểu biết và mức độ tin tưởng cao nhất của mình, chúng tôi xác nhận các giải trình sau đây:

TỔNG THỂ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Chúng tôi đã hoàn thành các trách nhiệm của mình, như đã thỏa thuận trong các điều khoản của Hợp đồng kiểm toán số 131124.005/HĐTC.KT7 ngày 13 tháng 11 năm 2024, đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; cụ thể là báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
2. Hệ thống kiểm soát nội bộ được chúng tôi xây dựng và duy trì nhằm đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Chúng tôi đã thông báo cho Quý vị biết về những đánh giá của chúng tôi về rủi ro mà Báo cáo tài chính có thể có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.
3. Tất cả các giao dịch đã được chúng tôi ghi chép trong tài liệu, sổ kế toán và đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo đúng chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.
4. Chúng tôi đã sử dụng các giả định hợp lý để đưa ra các ước tính kế toán, kể cả ước tính về giá trị hợp lý.
5. Tất cả các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh và thuyết minh theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng đều đã được chúng tôi điều chỉnh và thuyết minh.
6. Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch hay dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán bằng cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong báo cáo tài chính.
7. Chúng tôi đã xem xét tất cả các bút toán đề nghị điều chỉnh của Quý vị và đã thực hiện điều chỉnh các bút toán trọng yếu vào Báo cáo tài chính của chúng tôi. Còn một số bút toán chúng tôi không điều chỉnh do ảnh hưởng của các sai sót đó, xét riêng lẻ hay tổng hợp lại, đều là không trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo tài chính của chúng tôi.

CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

8. Các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã được chúng tôi giải thích, cung cấp đầy đủ thông tin cho Quý vị và thuyết minh một cách phù hợp theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
9. Các thông tin dưới đây đã được ghi nhận đúng đắn và phù hợp, được thuyết minh đầy đủ trong báo cáo tài chính:
 - (i) Các giao dịch với bên liên quan, bao gồm mua, bán, các khoản vay, chuyển nhượng, các thỏa thuận cho thuê và bảo đảm, và các khoản phải thu hoặc phải trả các bên liên quan;
 - (ii) Các thỏa thuận bảo đảm bằng văn bản hay bằng lời mà theo đó Công ty Cổ phần Dược khoa có nghĩa vụ tiềm tàng;
 - (iii) Các thỏa thuận và quyền chọn mua lại các tài sản đã bán trước đây.

TÀI SẢN

10. Công ty chúng tôi có quyền sở hữu hợp pháp đối với tất cả các tài sản, không có tranh chấp liên quan tới các tài sản và không có các tài sản bị cầm cố cũng như thế chấp, ngoài các tài sản thế chấp đã thuyết minh trên Báo cáo tài chính.
11. Chúng tôi không có kế hoạch dừng sản xuất bất kỳ dòng sản phẩm nào có thể dẫn đến bất kỳ hàng tồn kho dư thừa hoặc quá hạn ngoài các hàng tồn kho quá hạn do không có đơn đặt hàng bán hàng trong tương lai mà chúng tôi đã trích lập dự phòng đầy đủ. Không có bất kỳ hàng tồn kho nào được ghi nhận theo giá trị vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được.
12. Mọi giao dịch bán đều đã được chốt và không có bất cứ một thỏa thuận biệt lập nào với khách hàng, hoặc một điều khoản bán hàng nào, cho phép trả lại hàng đã bán, ngoại trừ trường hợp hàng bị hư hỏng hoặc điều kiện khác thường được áp dụng trong trường hợp bảo hành.
13. Không có các thỏa thuận về việc bồi thường nào có liên quan đến các tài khoản tiền và các khoản đầu tư của chúng tôi. Ngoại trừ những nội dung đã được công bố trong Báo cáo tài chính, chúng tôi hiện không có các thỏa thuận về tín dụng nào khác.
14. Các khoản chi phí trả trước và chi phí phải trả trên Bảng cân đối kế toán được chúng tôi ghi nhận trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu và khả năng chắc chắn phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán.
15. Chúng tôi đã thực hiện tổ chức kiểm kê Tiền mặt, Hàng tồn kho và Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2024, chúng tôi cam kết tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của Tiền mặt, Hàng tồn kho và Tài sản cố định đã kiểm kê phù hợp với số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.
16. Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận đến các đối tượng phải thu và phải trả của Công ty. Tuy nhiên, đến thời điểm công bố Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 chúng tôi chưa thu hồi được đầy đủ các thư xác nhận công nợ. Chúng tôi cam kết công nợ phải thu, phải trả trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 là có thật và chính xác, đầy đủ. Đồng thời, chúng tôi sẽ tiếp tục đôn đốc thu hồi các thư xác nhận công nợ đã gửi đi.

NỢ PHẢI TRẢ, CÁC CAM KẾT VỀ NGHĨA VỤ PHẢI TRẢ

17. Chúng tôi đã ghi nhận hoặc trình bày đúng đắn tất cả các khoản nợ phải trả, bao gồm các khoản nợ thực tế và nợ tiềm tàng.
18. Chúng tôi đã ghi chép và công bố một cách phù hợp tất cả các khoản nợ phải trả đã phát sinh, tất cả các khoản nợ tiềm tàng và các đảm bảo mà chúng tôi thực hiện với các bên thứ ba. Các khoản dự phòng đối với những thiệt hại có thể xảy ra do các vụ kiện, khiếu nại từ bên thứ ba hoặc các hợp đồng khác đã được ghi nhận đầy đủ trên Báo cáo tài chính. Ngoại trừ các khoản đã nêu trong Báo cáo tài chính, không có bất kỳ một nghĩa vụ nợ nào khác được đảm bảo, cầm cố bằng tài sản của Công ty chúng tôi tại ngày lập Báo cáo tài chính.
19. Tất cả những cam kết về mua hoặc bán cổ phiếu, giao dịch kinh doanh thương mại, các thỏa thuận phân chia lợi nhuận, lỗ phát sinh từ các giao dịch mua hoặc bán và các quyền chọn mua lại các tài sản đã bán trước đây được ghi chép và công bố phù hợp trên Báo cáo tài chính.

VẤN ĐỀ KHÁC

20. Hiện nay, Chúng tôi sắp xếp người quản lý doanh nghiệp và nhân sự kế toán chưa phù hợp theo quy định tại điều 275, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, cụ thể: ông Nguyễn Trường Giang là thành viên Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc và bà Trương Thanh Nhân là thành viên Hội đồng quản trị đồng thời đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng. Chúng tôi đang thực hiện sắp xếp lại nhân sự để phù hợp với quy định hiện hành. Chúng tôi bổ nhiệm Tổng giám đốc đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị là Kế toán trưởng, cam kết việc bổ nhiệm này nhằm mục đích hệ thống kiểm soát hiệu quả và kiểm soát các rủi ro phát sinh nếu có.

CUNG CẤP THÔNG TIN

21. Chúng tôi đã cung cấp cho Quý vị:

- Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà chúng tôi nhận thấy có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như sổ, tài liệu, chứng từ kế toán và các vấn đề khác;
- Các tài liệu, thông tin bổ sung mà kiểm toán viên yêu cầu chúng tôi cung cấp để phục vụ cho mục đích kiểm toán;
- Quyền tiếp cận không hạn chế với những cá nhân trong
- đơn vị mà kiểm toán viên xác định là cần thiết nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán.

22. Chúng tôi đã công bố cho Quý vị các kết quả đánh giá của chúng tôi về rủi ro báo cáo tài chính có thể chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận.

23. Chúng tôi đã công bố cho Quý vị tất cả các thông tin liên quan đến gian lận hoặc nghi ngờ gian lận mà chúng tôi biết và có thể có ảnh hưởng đến đơn vị và liên quan đến:

- Ban Giám đốc;
- Những nhân viên có vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ; hoặc
- Các vấn đề khác mà gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

24. Chúng tôi đã công bố cho Quý vị tất cả các thông tin liên quan đến các cáo buộc gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của đơn vị mà chúng tôi được thông báo từ các nhân viên, nhân viên cũ của Công ty, các chuyên gia phân tích, các cơ quan quản lý hoặc những người khác.

25. Chúng tôi đã công bố cho Quý vị tất cả các trường hợp không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ pháp luật và các quy định mà ảnh hưởng của việc không tuân thủ đó cần được xem xét khi lập và trình bày báo cáo tài chính.

26. Chúng tôi đã công bố cho Quý vị danh tính của các bên liên quan của đơn vị và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan mà chúng tôi biết.

Trân trọng kính chào,



Nguyễn Trường Giang
Tổng Giám đốc

Trương Thanh Nhân
Kế toán trưởng

